

Xanh hoá hệ thống tư pháp ở Việt Nam

Dương Quỳnh Hoa*

Nhận ngày 8 tháng 4 năm 2025. Chấp nhận đăng ngày 15 tháng 9 năm 2025.

Tóm tắt: Bài nghiên cứu này phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn nhằm kiến tạo định hướng “xanh hóa hệ thống tư pháp” tại Việt Nam - một quá trình cải cách nhằm tích hợp các nguyên tắc công lý sinh thái, quyền môi trường, công lý liên thế hệ vào tổ chức và hoạt động của tư pháp. Dựa trên khung lý luận ba tầng gồm quy phạm pháp luật, thể chế tư pháp và nhận thức pháp lý, bài viết đánh giá thực trạng xanh hóa hệ thống tư pháp Việt Nam hiện nay, chỉ ra những điểm nghẽn về pháp luật, tổ chức và tư duy pháp lý. Trên cơ sở đó, bài viết đưa ra một số khuyến nghị nhằm cải cách toàn diện hệ thống tư pháp Việt Nam theo hướng sinh thái.

Từ khóa: Hệ thống tư pháp, xanh hóa, xanh hóa hệ thống tư pháp, công lý sinh thái.

Phân loại: Luật học

Abstract: This study analyzes the theoretical and practical foundations for establishing the orientation of “greening the judicial system” in Vietnam—a reform process aims to integrate the principles of ecological justice, environmental rights, and intergenerational justice into the organization and functioning of the judiciary. Based on a three-tiered theoretical framework encompassing legal norms, judicial institutions, and legal awareness, the article assesses the current status of greening Vietnam’s judicial system, pointing out bottlenecks in legislation, institutional organization, and legal mindset. Based on this analysis, the article offers several recommendations for the comprehensive, ecologically-oriented reform of Vietnam’s justice system.

Keywords: Judicial system, greening, greening the judicial system, ecological justice.

Subject classification: Jurisprudence

1. Mở đầu

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu ngày càng trở nên nghiêm trọng và các vấn đề môi trường toàn cầu đặt ra những thách thức cấp bách cho sự phát triển bền vững, nhu cầu tái cấu trúc toàn diện các thiết chế quốc gia theo hướng xanh hoá đã trở thành một xu thế tất yếu. Trong quá trình đó, hệ thống tư pháp với tư cách là một trụ cột trung tâm của nhà nước pháp quyền và là công cụ đảm bảo công lý cũng không thể đứng ngoài làn sóng chuyển đổi này. Xanh hoá hệ thống tư pháp không chỉ là một khẩu hiệu mang tính biểu tượng, mà phản ánh nhu cầu thực tiễn về việc tích hợp các mục tiêu phát triển bền vững và nguyên tắc công lý môi trường vào toàn bộ hoạt động lập pháp, hành pháp và tư pháp (UNEP, 2023).

Sự phát triển của các khuôn khổ pháp lý quốc tế như Chương trình nghị sự 2030 của Liên Hợp Quốc (SDG 16 và SDG 13), Hiệp định Paris về biến đổi khí hậu, Tuyên bố Rio năm 1992 (đặc biệt là nguyên tắc 10 về tiếp cận thông tin và tư pháp về môi trường) đã khẳng định vai trò trung tâm của hệ thống tư pháp trong việc thúc đẩy công lý môi trường, bảo vệ quyền con người trong bối cảnh khủng hoảng sinh thái, và thực thi hiệu quả pháp luật môi trường (UNEP, 2023). Ở cấp độ quốc gia, xanh hoá hệ thống tư pháp không chỉ là một yêu cầu về cải cách thể chế nhằm nâng cao hiệu lực thực thi pháp luật mà còn đóng vai trò thiết yếu trong việc đảm bảo quyền tiếp cận công lý cho các nhóm yếu thế, tạo điều kiện để cộng đồng

* Viện Nhà nước và Pháp luật, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Email: dqhoa77@gmail.com

tham gia giám sát việc tuân thủ pháp luật môi trường và thúc đẩy trách nhiệm giải trình của các cơ quan công quyền (UNEP, 2023).

Tuy nhiên, khái niệm “xanh hoá hệ thống tư pháp” còn tương đối mới mẻ tại nhiều quốc gia, đặc biệt là Việt Nam. Việc hiểu đúng và đầy đủ nội hàm của khái niệm này, cũng như xác định được các trụ cột lý luận, khung pháp lý điều chỉnh là điều kiện tiên quyết để thúc đẩy quá trình chuyển đổi xanh một cách hiệu quả và bền vững. Với phương pháp nghiên cứu chủ đạo là phân tích, tổng hợp tài liệu, kết hợp với phương pháp tiếp cận hệ thống và so sánh luật, đồng thời tham khảo các nguồn dữ liệu thực tiễn từ Việt Nam, quốc tế và các công trình học thuật có uy tín, bài viết này nhằm hướng đến mục tiêu kiến tạo một khuôn khổ học thuật chặt chẽ, làm nền tảng lý luận và thực tiễn cho việc hình thành chiến lược “xanh hóa hệ thống tư pháp” tại Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi sinh thái toàn cầu, bên cạnh đó còn cung cấp những gợi mở chính sách cho quá trình hoạch định và thực thi pháp luật về công lý môi trường tại Việt Nam trong kỷ nguyên mới.

2. Cơ sở lý luận về xanh hóa hệ thống tư pháp

2.1. Khái niệm xanh hóa hệ thống tư pháp

Sự gia tăng nhanh chóng về tần suất và cường độ của các hiện tượng môi trường cực đoan như biến đổi khí hậu, suy thoái hệ sinh thái, khan hiếm tài nguyên và ô nhiễm xuyên biên giới đã và đang đặt ra những thách thức chưa từng có đối với thiết chế nhà nước hiện đại. Trong số đó, hệ thống tư pháp - vốn được thiết kế với chức năng bảo vệ công lý, đảm bảo tính thượng tôn pháp luật và giải quyết tranh chấp đang đứng trước một thách thức mang tính thời đại: làm thế nào để duy trì chức năng của mình trong bối cảnh các vấn đề môi trường ngày càng trở nên phức tạp, đa ngành, xuyên biên giới và gắn lợi ích cộng đồng liên thế hệ.

Các tranh chấp môi trường thường không chỉ liên quan đến hai bên đương sự có quyền và nghĩa vụ rõ ràng, mà còn bao hàm tác động tới cộng đồng, sinh thái, các thế hệ tương lai, và đôi khi cả các thực thể không có tư cách chủ thể pháp lý truyền thống, như: sông ngòi, rừng, hoặc hệ sinh thái. Trong khi đó, hệ thống tư pháp hiện hành lại thường chỉ vận hành hiệu quả trong khuôn khổ của mô hình quyền - nghĩa vụ cá nhân, với các cấu trúc tổ tụng, bằng chứng và biện hộ đã lỗi thời trước tính chất đặc thù của môi trường.

Hơn nữa, sự vận hành của hệ thống tư pháp ở phần lớn các quốc gia hiện nay, đặc biệt là trong các mô hình nhà nước pháp quyền truyền thống, vẫn mang tính “trung lập sinh thái”, tức là chưa có sự tích hợp đầy đủ giữa pháp quyền và các chuẩn mực về công lý môi trường. Hệ quả là trong nhiều trường hợp, hệ thống tư pháp trở thành rào cản thay vì là động lực thúc đẩy việc bảo vệ môi trường và quyền con người trong bối cảnh khủng hoảng sinh thái. Do vậy, việc xây dựng một mô hình tư pháp mới, nơi công lý không chỉ là sự phân định đúng - sai giữa hai chủ thể, mà là quá trình kiến tạo sự hài hoà giữa con người và tự nhiên, giữa thế hệ hiện tại và tương lai, trở thành nhu cầu tất yếu. Hay nói cách khác, công lý trong thời đại khủng hoảng sinh thái phải hướng đến ba trục: công lý giữa người với người, công lý giữa thế hệ hiện tại và thế hệ tương lai, và công lý giữa con người và tự nhiên. Xanh hoá hệ thống tư pháp chính là phương thức tái cấu trúc công lý trên cơ sở ba trục đó. Nó buộc tư pháp phải vượt qua giới hạn của tính trung lập hình thức, để chuyển mình thành một thiết chế chủ động bảo vệ lợi ích công, kiến tạo chuẩn mực đạo đức pháp lý mới và thúc đẩy tính trách nhiệm liên thế hệ. Đây cũng là lý do vì sao xanh hoá hệ thống tư pháp cần được xem không chỉ như một phần của cải cách môi trường, mà là một chương trình nghị sự về cải cách tư pháp nói chung, bởi lẽ, ở đó tư pháp không chỉ làm công lý, mà còn tạo ra công lý trong thời đại mới.

“Xanh hoá hệ thống tư pháp” có thể được hiểu là quá trình cải tổ sâu rộng và liên ngành cả về tổ chức, vận hành và tư duy pháp lý của hệ thống tư pháp theo hướng bảo đảm sự lồng ghép

đầy đủ và hiệu quả các nguyên tắc về phát triển bền vững, công lý môi trường và quyền sinh thái vào trong toàn bộ hoạt động của hệ thống này (UNEP, 2023). Xanh hoá không chỉ là việc “đưa màu xanh” vào luật tố tụng hoặc thành lập toà án môi trường. Đó là một sự chuyển dịch cấu trúc tư pháp, hướng tới một mô hình pháp quyền sinh thái, nơi công lý không chỉ là công lý giữa người với người, mà còn là công lý giữa con người và tự nhiên, giữa hiện tại và tương lai, giữa lợi ích cá nhân và giá trị sinh thái.

Dưới góc nhìn học thuật, khái niệm này có thể được phân tích theo ba tầng cấu trúc sau: quy phạm pháp lý, thể chế tổ chức, và nền tảng nhận thức pháp lý - đạo lý. Tuy nhiên, thay vì tiếp cận ba tầng này như ba trụ cột tách biệt, điều cần thiết là phải nhìn nhận chúng như những lớp khái niệm lồng ghép, tương tác và đồng tiến hoá. Mỗi tầng không chỉ đại diện cho một cấp độ cải cách mà còn phản ánh một chiều sâu tri thức khác nhau của quá trình tư pháp hóa công lý sinh thái.

Tầng đầu tiên - xanh hoá quy phạm, chính là lớp biểu hiện rõ ràng và dễ quan sát nhất. Đây là nơi mà các nguyên tắc, giá trị và chuẩn mực của công lý môi trường được chuyển hóa thành luật viết, trở thành ngôn ngữ chính thức của nhà nước pháp quyền. Việc ghi nhận quyền được sống trong môi trường trong lành, quyền khởi kiện nhân danh cộng đồng, nguyên tắc phòng ngừa, hay công bằng thế hệ trong các đạo luật, không chỉ là vấn đề kỹ thuật lập pháp mà là hành vi biểu đạt quyền lực khái niệm: pháp luật thừa nhận rằng môi trường không còn là một yếu tố ngoại vi của phát triển, mà là nền tảng cấu thành các quyền con người đương đại. Ở tầng này, quy phạm pháp lý mang vai trò chuyển tải lý thuyết thành cấu trúc pháp lý, là nơi các trục lý luận như quyền con người, công lý sinh thái và đạo đức môi trường giao thoa với thiết kế pháp luật hiện hành.

Tuy nhiên, sự hiện diện của các chuẩn mực xanh trong luật không đảm bảo cho sự vận hành của một hệ thống tư pháp xanh nếu thiếu đi tầng thể chế. Chính trong không gian thể chế, các nguyên lý quy phạm mới thực sự đi vào đời sống. Ở tầng này, khái niệm “xanh hoá” không đơn thuần là việc thành lập các toà án môi trường chuyên biệt, mà còn bao hàm sự biến đổi của toàn bộ hạ tầng thể chế: từ năng lực chuyên môn của thẩm phán, cách tổ chức phiên toà, cho đến sự tham gia của khoa học môi trường trong quá trình xét xử. Đây là nơi lý thuyết trở thành thực hành, và công lý sinh thái trở thành thao tác nghề nghiệp. Những lý thuyết như công lý phục hồi, tội phạm học xanh hay tiếp cận liên ngành đóng vai trò như nền tảng tri thức tái cấu trúc thể chế tư pháp truyền thống vốn dĩ được thiết kế xoay quanh cá nhân sang mô hình tư pháp công, tư pháp đại diện, và tư pháp phòng ngừa.

Tầng sâu nhất là xanh hoá nhận thức và đạo lý pháp lý lại là tầng ít được chú ý nhất nhưng có lẽ là quan trọng nhất. Bởi lẽ, mọi quy phạm và thể chế cuối cùng đều vận hành thông qua con người. Khi một thẩm phán tiếp cận một vụ việc môi trường với tư duy pháp quyền cổ điển, họ sẽ thấy trong vụ việc đó là vấn đề tài sản, trách nhiệm cá nhân và thiệt hại vật chất. Nhưng nếu họ tiếp cận với thế giới quan sinh thái, họ sẽ nhận ra trong vụ án ấy có cả những giá trị không định lượng được: sinh thái bị mất mát, cộng đồng bị tổn thương, và tương lai bị đe dọa. Chính sự thay đổi trong cách nhìn nhận bản chất của công lý, vai trò của tư pháp và giới hạn của phát triển là điều kiện nền tảng cho việc hình thành một hệ hình tư pháp mới, nơi tư pháp không chỉ phân xử, mà còn kiến tạo giới hạn, đạo lý và cân bằng sinh thái.

Điều quan trọng cần nhấn mạnh là ba tầng nói trên không tồn tại độc lập mà là một kiến trúc nhận thức - thể chế - pháp lý thống nhất, trong đó mỗi tầng vừa là nền, vừa là điều kiện cho tầng tiếp theo. Một hệ thống tư pháp chỉ có thể thực sự “xanh” khi không chỉ có luật tốt, không chỉ có thiết chế hiện đại, mà còn có những con người làm nghề tư pháp với một thế giới quan sinh thái. Đồng thời, những đột phá nhận thức cũng cần được thể chế hóa thành năng lực hành động, và được quy phạm hoá thành chuẩn mực để tạo nên hiệu lực và tính

cưỡng chế. Ở chiều ngược lại, khi các chuẩn mực pháp lý chỉ được sao chép từ chuẩn quốc tế mà không gắn với năng lực thể chế hoặc sự chuyển hóa nhận thức, thì “xanh hoá” sẽ chỉ tồn tại ở mức hình thức, như một vỏ bọc cải cách mà không chạm đến cốt lõi hệ thống.

2.2. Các tiếp cận lý thuyết nền tảng về xanh hóa hệ thống tư pháp

Khái niệm “xanh hóa hệ thống tư pháp” là kết quả của sự tổng hợp giữa các trường phái lý thuyết pháp lý truyền thống với các học thuyết sinh thái và triết học môi trường hiện đại. Có thể phân chia các hướng tiếp cận này thành ba nhóm lớn.

2.2.1. Tiếp cận từ các lý thuyết môi trường

Một trong những nền tảng học thuật quan trọng của xanh hoá tư pháp là lý thuyết quyền con người trong bảo vệ môi trường. Đây là cách tiếp cận phổ biến trong các văn kiện của Liên Hợp Quốc và các tổ chức quốc tế như: Chương trình Môi trường Liên Hợp Quốc (UNEP), Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP). Theo đó, môi trường được nhìn nhận như một điều kiện thiết yếu để thực hiện các quyền con người cơ bản, đặc biệt là quyền sống, quyền sức khỏe, và quyền phát triển. Hướng tiếp cận này khẳng định “quyền được sống trong môi trường trong lành” là một quyền chính đáng, có thể được thực thi thông qua cơ chế tư pháp, giống như quyền tự do hay quyền sở hữu tài sản. Tư pháp - với tư cách là thiết chế bảo vệ quyền - cần được tổ chức để thực thi và bảo vệ quyền môi trường, kể cả trong trường hợp nạn nhân không phải là cá nhân cụ thể mà là cộng đồng hoặc thế hệ tương lai.

Tiếp theo là lý thuyết công lý môi trường. Lý thuyết này tập trung vào các bất bình đẳng môi trường giữa các nhóm xã hội khác nhau (Ali & Kamraju, 2023; Lehtinen, 2009), nhấn mạnh đến sự bất bình đẳng trong việc phân phối rủi ro và lợi ích môi trường giữa các nhóm xã hội, đặc biệt là người nghèo, dân tộc thiểu số và cộng đồng dễ bị tổn thương. Tư pháp cần can thiệp để bảo đảm sự công bằng sinh thái giữa các nhóm dân cư và giữa các thế hệ (UNEP, 2023).

Cao hơn một bậc là lý thuyết công lý sinh thái. Lý thuyết này kết nối tính bền vững môi trường với công lý xã hội bằng cách nhấn mạnh những hệ quả môi trường của các chính sách và quy trình pháp lý, ủng hộ cách tiếp cận cân bằng, hài hòa giữa các mối quan tâm môi trường và các yêu cầu về công lý xã hội. Lý thuyết này cho rằng những tổn hại và suy thoái môi trường ảnh hưởng không tương xứng đến các nhóm người dễ bị tổn thương và các cộng đồng thiểu số (Anguelovski & Alier, 2014). Đồng thời cũng nhấn mạnh rằng giải quyết các vấn đề môi trường là điều kiện tiên quyết để giảm thiểu bất công và bất bình đẳng xã hội, bởi mỗi cá nhân đều có quyền được sống trong một môi trường lành mạnh và sạch sẽ.

2.2.2. Các lý thuyết và phương pháp tiếp cận xã hội

Thứ nhất, phải kể đến thuyết Gaia của James Lovelock (2010), cho rằng Trái đất là một hệ sinh học khép kín, tự điều chỉnh và có “trí tuệ nội tại”. Theo đó, hệ thống pháp luật, trong đó có tư pháp, cần hoạt động như một bộ phận của hệ sinh thái, chứ không phải là công cụ bên ngoài điều khiển tự nhiên (Reiche, 2020). Thuyết này cũng tạo cơ sở cho việc lồng ghép các khía cạnh đạo đức sinh thái vào các phán quyết tư pháp và quy trình pháp lý. Luật pháp và tư pháp, theo đó, phải được thiết kế như một bộ phận tương tác với hệ sinh thái, chứ không đứng ngoài hoặc áp đặt từ trên xuống.

Thứ hai, lý thuyết công lý phục hồi - một mô hình vốn phát triển trong tư pháp hình sự nhưng có thể mở rộng ra lĩnh vực môi trường. Thay vì trừng phạt đơn thuần, công lý phục hồi hướng tới việc hàn gắn quan hệ giữa các bên và giữa con người với tự nhiên. Trong tư pháp môi trường, tiếp cận này thể hiện qua các biện pháp như khôi phục hệ sinh thái, phục hồi rừng, cải tạo đất và khắc phục hậu quả ô nhiễm - thường được toà án áp dụng thay thế hoặc song hành với hình phạt truyền thống (Pain et al., 2016).

Một nhánh tiếp cận quan trọng khác là tội phạm học xanh. Tội phạm học xanh (green criminology) nghiên cứu các hành vi gây tổn hại môi trường nhưng chưa được luật hóa đầy đủ, hoặc bị bỏ lọt trong hệ thống tư pháp hình sự truyền thống. Hướng tiếp cận này nhấn mạnh đến sự cần thiết phải xây dựng chế độ hình sự đặc thù đối với hành vi gây tổn hại hệ sinh thái, trong đó có các nguyên tắc đặc thù như xử lý trách nhiệm pháp nhân, trừng phạt phi tài chính, phục hồi sinh thái bắt buộc... Tội phạm học xanh đặt ra yêu cầu về tòa án môi trường hình sự, thẩm phán chuyên trách, và chuẩn mực xét xử có tính phòng ngừa - phục hồi cao.

Ngoài ra, các tiếp cận xã hội học pháp luật như chủ nghĩa cấu trúc - chức năng, lý thuyết hệ hình văn hoá, hay chủ nghĩa nữ quyền sinh thái (ecofeminism) đều cung cấp những lăng kính khác nhau để nhìn nhận mối quan hệ giữa luật pháp, quyền lực, giới tính và môi trường. Chúng cho thấy tư pháp không chỉ là công cụ pháp lý, mà còn là thể chế phản ánh các trật tự xã hội hiện hữu, và do đó có thể (và phải) trở thành công cụ kiến tạo trật tự sinh thái mới.

2.2.3. Cách tiếp cận hệ thống

Một trong những phương pháp tiếp cận hiện đại và toàn diện nhất là tiếp cận hệ thống. Theo đó, hệ thống tư pháp được xem là một hệ thống mở - có cấu trúc, chức năng, quy tắc vận hành và khả năng thích nghi trong bối cảnh thay đổi. Khi đặt trong hệ sinh thái pháp luật và quản trị môi trường, tư pháp không thể hoạt động đơn lẻ, mà là một phần trong cấu trúc hệ thống pháp luật - nhà nước - xã hội. Do đó, xanh hóa tư pháp đòi hỏi tư duy hệ thống: từ quy phạm đến tổ chức, từ đạo lý đến công nghệ. Hệ thống tư pháp phải vận hành được trong quan hệ liên ngành, liên quyền lực và liên thể hệ.

3. Thực trạng xanh hóa hệ thống tư pháp ở Việt Nam

Trong những năm gần đây, Việt Nam đã có những bước tiến quan trọng trong việc xây dựng chính sách và pháp luật bảo vệ môi trường, với các cam kết mạnh mẽ tại các diễn đàn quốc tế như COP26 và việc ban hành Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Tuy nhiên, xét dưới lăng kính “xanh hoá hệ thống tư pháp”, hiểu như một tiến trình tích hợp chiều kích sinh thái vào toàn bộ cấu trúc quy phạm, thể chế và tư duy của ngành tư pháp, thì thực trạng tại Việt Nam vẫn cho thấy nhiều khoảng trống cả về pháp lý, tổ chức và nhận thức.

3.1. Về tầng quy phạm pháp lý

Hiến pháp năm 2013 ghi nhận quyền được sống trong môi trường trong lành tại Điều 43 là một bước tiến quan trọng về mặt hiến định. Tuy nhiên, cho đến nay, quyền này vẫn chưa được cụ thể hóa trong các đạo luật với tư cách là một quyền có thể được bảo vệ trực tiếp tại toà án, chưa quy định rõ nội hàm của “quyền môi trường”, điều kiện thực thi, chủ thể bảo vệ, cũng như các cơ chế bảo đảm khả năng xét xử khi quyền bị xâm phạm (Bùi Thị Hương, 2022).

Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có nhiều đổi mới như áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn (Luật Bảo vệ môi trường, 2020, khoản 1, Điều 142), phân loại rác tại nguồn (Luật Bảo vệ Môi trường, 2020, Điều 75), và cơ chế trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (Luật Bảo vệ Môi trường, 2020, Điều 54, 55). Tuy nhiên, luật vẫn nghiêng về điều tiết hành chính - kỹ thuật hơn là tạo khung pháp lý cho xét xử tranh chấp môi trường, các quy định về giải quyết tranh chấp môi trường còn rời rạc, thiếu tính hệ thống, chưa tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân và cộng đồng tiếp cận tư pháp.

Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Luật Tố tụng hành chính năm 2015 chưa công nhận cơ chế khởi kiện vì lợi ích công cộng, cũng không có quy định rõ ràng về tư cách pháp lý của tổ chức xã hội, nhà khoa học, hay cộng đồng bị ảnh hưởng sinh thái để khởi kiện nhân danh môi trường. Điều này hoàn toàn không tương thích với các chuẩn mực quốc tế như

Hiệp ước Escazú (Mỹ Latinh và Caribe), vốn quy định quyền khởi kiện môi trường là quyền mở rộng cho cộng đồng và xã hội dân sự (UNEP, 2023).

Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi 2017) đã bước đầu hình sự hóa nhiều hành vi xâm hại môi trường (Điều 235, 236, 242, 243, 244 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi năm 2017)), đồng thời mở rộng trách nhiệm hình sự cho pháp nhân thương mại. Tuy vậy, theo thống kê của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, số vụ án môi trường bị truy tố và xét xử còn rất ít so với số vụ vi phạm bị phát hiện hành chính (Viện kiểm sát nhân dân tối cao, 2022). Điều này đặt ra câu hỏi không chỉ về thể chế mà còn về năng lực và tính thực thi của hệ thống quy phạm hình sự môi trường.

Như vậy, có thể nói rằng, tầng quy phạm tại Việt Nam tuy đã có nền móng ban đầu, nhưng chưa hình thành được một hệ thống quy phạm tư pháp xanh theo nghĩa thực chất do chưa có luật quyền môi trường; thiếu luật hoá nguyên tắc sinh thái; vắng mặt các cơ chế kiện vì lợi ích công cũng như thiếu chuẩn mực hướng dẫn xét xử.

3.2. Về tầng thể chế tư pháp

Ở tầng thể chế, Việt Nam chưa xây dựng được một hệ thống tư pháp có khả năng đáp ứng tính chất phức tạp và liên ngành của các tranh chấp môi trường hiện đại. Hiện tại, tất cả các vụ việc liên quan đến môi trường đều do các toà án dân sự, hành chính hoặc hình sự thông thường xử lý, không có bất kỳ phòng, ban, hoặc tổ chức chuyên trách nào trong hệ thống toà án chuyên về tranh chấp sinh thái.

Theo báo cáo của UNDP, hệ thống toà án Việt Nam thiếu nhân sự có chuyên môn về khoa học môi trường, không có cơ sở dữ liệu tập trung về án môi trường, và chưa có mô hình phối hợp đa ngành giữa tư pháp, nhà khoa học, tổ chức xã hội và truyền thông trong quá trình xét xử (UNDP Vietnam, 2022). Tòa án nhân dân tối cao cũng chưa ban hành bất kỳ án lệ nào về công lý môi trường, mặc dù Hiến pháp năm 2013 đã cho phép sử dụng án lệ làm nguồn luật trong xét xử.

Một hạn chế nghiêm trọng khác là thiếu cơ chế giám định độc lập trong các vụ án môi trường. Việc thu thập chứng cứ vẫn phụ thuộc vào kết luận của cơ quan hành chính, dẫn đến khả năng thiếu khách quan hoặc mâu thuẫn lợi ích. Đây là một vấn đề được các học giả cảnh báo như là “điểm yếu chết người” trong thực tiễn tư pháp môi trường tại Việt Nam.

Ngoài ra, Việt Nam không có cơ chế phân xử tập thể hoặc khởi kiện tập thể trong tố tụng môi trường. Đây là một điểm yếu khiến hệ thống tư pháp không thể xử lý hiệu quả các tranh chấp có tính cộng đồng cao, như ô nhiễm nguồn nước, mất rừng, hay bồi thường thiệt hại sinh thái diện rộng (vụ Formosa là ví dụ điển hình, nhưng lại được xử lý hành chính thay vì tư pháp).

Trong bối cảnh đó, nhiều tổ chức quốc tế (Chương trình Môi trường Liên Hợp Quốc (UNEP), Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), Ngân hàng Thế giới (WB)) đã khuyến nghị Việt Nam nên xây dựng “toà án môi trường chuyên trách” ở cấp tỉnh và trung ương, hoặc ít nhất là “phòng xét xử môi trường” trong hệ thống toà hiện có. Tuy nhiên, đến nay, chưa có động thái chính thức nào từ phía hệ thống toà án về hướng đi này.

3.3. Về tầng nhận thức pháp lý

Nhận thức pháp lý và đạo lý nghề nghiệp của đội ngũ cán bộ tư pháp đối với các vấn đề sinh thái được xem là tầng sâu nhất nhưng cũng quan trọng nhất trong xanh hóa hệ thống tư pháp. Trên phương diện này, Việt Nam vẫn chưa có sự chuyển biến rõ rệt từ tư duy pháp quyền truyền thống sang pháp quyền sinh thái. Hệ thống đào tạo luật ở Việt Nam hiện không có học phần bắt buộc nào về công lý môi trường, công bằng thế hệ, hay đạo đức sinh thái. Trường cán bộ Toà án và Viện kiểm sát hiện chưa có chương trình đào tạo chuyên biệt về

xét xử tranh chấp môi trường. Số lượng nghiên cứu học thuật trong giới luật về công lý sinh thái, quyền của tự nhiên, hay tư pháp liên thể hệ còn rất khiêm tốn, chủ yếu mang tính lý thuyết nhập khẩu, chưa gắn kết được với thực tiễn lập pháp - tư pháp trong nước. Các nghiên cứu hiện có chủ yếu tiếp cận từ góc độ quản lý môi trường như đánh giá tác động, quy hoạch, xử phạt hành chính, kinh tế môi trường hoặc phát triển bền vững nói chung chứ không phải khía cạnh tư pháp. Điều này cho thấy Việt Nam chưa hình thành một cộng đồng học thuật hoặc diễn ngôn pháp lý nội sinh về tư pháp sinh thái, và nó cũng phản ánh một thực trạng đáng lo ngại là hệ thống tư pháp không chỉ thiếu quy phạm và thể chế, mà còn thiếu cả tư duy để tạo ra và vận hành chúng. Trong khi đó, các quốc gia như Philippines (Vermont Law and graduate school), Kenya (Kenya National Council for Law Reporting, 2025; Republic of Kenya, 2024; Republic of Kenya, 2018) đã có chương trình đào tạo tư pháp môi trường trong trường luật, hệ thống đào tạo thẩm phán chuyên ngành sinh thái, và diễn đàn tư pháp xanh quốc gia, nơi các thẩm phán, các học giả cùng thảo luận các chuẩn mực đạo lý nghề nghiệp trong xét xử sinh thái (UNEP, 2023).

Đánh giá theo khung ba tầng - quy phạm, thể chế và nhận thức - có thể thấy hệ thống tư pháp Việt Nam mới chỉ “xanh hoá” ở mức khởi đầu, thiên về chính sách và tuyên ngôn hơn là thiết chế và vận hành thực chất. Mỗi tầng đều có những điểm nghẽn rõ rệt. Những điểm nghẽn này không chỉ cản trở hệ thống tư pháp thực thi chức năng bảo vệ sinh thái, mà còn hạn chế vai trò của tư pháp như một trụ cột bảo vệ công bằng thể hệ và phát triển bền vững.

4. Một số khuyến nghị chính sách nhằm xanh hóa hệ thống tư pháp ở Việt Nam

4.1. Khuyến nghị về cải cách quy phạm pháp luật

Tầng quy phạm pháp luật là nền tảng thiết yếu để hệ thống tư pháp thực hiện hiệu quả chức năng bảo vệ sinh thái và kiến tạo công lý môi trường. Tuy nhiên, như đã phân tích ở trên, hệ thống quy phạm pháp luật của Việt Nam hiện nay mới dừng ở mức định hướng chính sách, thiếu các cơ chế thực thi và chuẩn mực xét xử có tính cưỡng chế. Do đó, trong ngắn hạn, cần khắc phục các điểm nghẽn rõ rệt trong hệ thống pháp luật hiện hành về khả năng tiếp cận công lý môi trường. Trước mắt, cần ưu tiên sửa đổi các luật tố tụng để gỡ bỏ các rào cản tiếp cận tư pháp về môi trường. Cụ thể:

Bổ sung điều khoản về khởi kiện vì lợi ích công cộng trong Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Luật Tố tụng hành chính năm 2015 để mở rộng tư cách khởi kiện, cho phép tổ chức xã hội, cộng đồng dân cư hoặc chủ thể đại diện cho lợi ích công cộng được khởi kiện nhân danh môi trường. Cơ chế này là tiêu chuẩn phổ biến tại các quốc gia áp dụng mô hình tư pháp sinh thái (UNDP, 2022); Miễn nghĩa vụ chứng minh thiệt hại cụ thể đối với các tranh chấp môi trường mang tính cộng đồng dựa trên cơ sở pháp lý là Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 đã thừa nhận quyền cộng đồng trong giám sát môi trường (Điều 149), nhưng chưa có luật tố tụng nào tương thích để thực thi quyền này tại tòa án.

Ban hành nghị quyết hướng dẫn xét xử án môi trường bởi Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để thống nhất thực tiễn, bao gồm hướng dẫn về đánh giá thiệt hại sinh thái, nguyên tắc sinh thái và quyền của cộng đồng bị ảnh hưởng (Luật Tổ chức Tòa án nhân dân 2024, Điều 22).

Tòa án nhân dân tối cao chủ động phát triển án lệ sinh thái, lấy từ các bản án điển hình có liên quan đến ô nhiễm môi trường, tranh chấp đất rừng, trách nhiệm doanh nghiệp gây thiệt hại sinh thái. Việc này sẽ tạo điều kiện để xây dựng một Bộ nguyên tắc tư pháp sinh thái áp dụng trong xét xử, gồm các nội dung về: nghĩa vụ phòng ngừa, trách nhiệm tập thể, bảo vệ quyền thể hệ tương lai, và quyền khởi kiện vì lợi ích công

Trong giai đoạn trung hạn, cần thiết lập đạo luật nền tảng lập pháp cho tư pháp sinh thái và rà soát phát luật liên ngành. Việt Nam cần xây dựng một đạo luật nền tảng về quyền môi trường. Đạo luật này không chỉ cụ thể hoá Điều 43 Hiến pháp mà còn đóng vai trò hiến định hoá các nguyên tắc tư pháp xanh. Việc ban hành đạo luật này cần được kết hợp với một chương trình rà soát toàn bộ hệ thống pháp luật theo tiêu chí sinh thái, mục tiêu là lồng ghép nguyên tắc phát triển bền vững và phòng ngừa vào các quy định về phê duyệt dự án, cấp phép, quy hoạch; Sửa đổi các quy định cho phép phát triển kinh tế mà không có điều kiện ràng buộc bảo vệ sinh thái; Xác định các “điểm xung đột luật” giữa luật môi trường và luật chuyên ngành (UNEP, 2023) đã nhấn mạnh rằng, để tư pháp môi trường hoạt động hiệu quả, cần có sự nhất quán liên ngành trong quy phạm - tránh tình trạng “một luật cho phép, một luật cấm” vốn đang tồn tại ở nhiều hệ thống pháp lý chuyển đổi (UNEP, 2023).

Trong kế hoạch dài hạn, Việt Nam cần xây dựng trật tự pháp lý sinh thái và chuẩn mực tư pháp mới. Trong điều kiện của Việt Nam, cải cách quy phạm cần được tiếp cận không đơn thuần như hoạt động “ban hành luật môi trường mới”, mà là quá trình tái cấu trúc pháp luật quốc gia theo hướng lồng ghép chiều kích sinh thái vào toàn bộ trật tự pháp lý hiện hành. Cần hiến định hóa quyền của tự nhiên, nghiên cứu sửa đổi Hiến pháp để công nhận quyền của tự nhiên, tương tự Hiến pháp Ecuador (2008), làm nền tảng cho việc tư pháp hóa bảo vệ sinh quyển.

4.2. Khuyến nghị về cải cách thể chế tư pháp

Xanh hóa thể chế tư pháp là một bước chuyển đổi chiến lược nhằm hiện đại hóa cơ cấu tổ chức, thẩm quyền, quy trình vận hành và năng lực thực thi của các cơ quan tư pháp theo hướng thích ứng với các vấn đề môi trường, biến đổi khí hậu và công lý thể hệ tương lai. Như đã phân tích, hệ thống tư pháp Việt Nam hiện chưa có thiết chế chuyên biệt về môi trường, thiếu phối hợp liên ngành và chưa bảo đảm tính độc lập trong giám định, xét xử các tranh chấp sinh thái. Vì vậy, việc cải cách thể chế cần được thực hiện theo lộ trình ba bước: can thiệp thiết thực trong ngắn hạn, kiến tạo năng lực tổ chức trong trung hạn và chuyển đổi mô hình vận hành trong dài hạn.

Trong ngắn hạn, Việt Nam cần thiết lập cơ sở tổ chức và chuyên môn hoá xét xử môi trường. Thành lập phòng xét xử chuyên đề về môi trường tại các Tòa án nhân dân cấp tỉnh và cấp cao. Đây là bước đi thực tiễn, khả thi, dựa trên Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2024. Điều 18 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2024 quy định: “Tòa án có thể thành lập phòng xét xử chuyên đề theo yêu cầu phát triển tư pháp từng lĩnh vực.” Trên cơ sở này, Tòa án nhân dân tối cao có thể chỉ đạo thí điểm việc thành lập Phòng xét xử môi trường tại một số tỉnh có tranh chấp sinh thái phức tạp (ví dụ: Hà Tĩnh - vụ Formosa; Đồng Nai - tranh chấp đất rừng; Bà Rịa - Vũng Tàu - xâm thực bờ biển; Tây Nguyên - mất rừng đầu nguồn...); Chỉ định và đào tạo đội ngũ thẩm phán chuyên trách về môi trường.

Ở trung hạn, cần kiện toàn cơ chế giám định, hợp tác liên ngành và cơ sở dữ liệu tư pháp sinh thái. Trong dài hạn, cần định hình mô hình tư pháp sinh thái trong tổng thể chiến lược cải cách tư pháp quốc gia. Thành lập Tòa môi trường quốc gia (National Environmental Court). Trên cơ sở tổng kết mô hình phòng xét xử môi trường và nhu cầu thực tiễn, Việt Nam có thể xem xét thành lập Tòa môi trường cấp quốc gia, trực thuộc Tòa án nhân dân tối cao, có thẩm quyền xét xử sơ thẩm hoặc phúc thẩm các vụ kiện môi trường lớn, đa ngành, xuyên địa giới, giải quyết các tranh chấp có yếu tố tập thể hoặc lợi ích công cộng, kiểm tra tính hợp hiến của các quyết định chính sách môi trường ở mức cao.

Thực hiện “tư pháp đánh giá chính sách môi trường”: Tòa án cần có thẩm quyền xem xét các chính sách, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội có khả năng gây tổn hại đến môi trường; Áp dụng biện pháp tạm đình chỉ hành chính, buộc đánh giá lại tác động môi trường, hủy bỏ dự án nếu vi phạm nguyên tắc phòng ngừa và công bằng thế hệ (UNEP, 2023).

Tư pháp kiến tạo và xây dựng nguyên tắc sinh thái qua thực tiễn xét xử: Tòa án nhân dân tối cao cần phát huy vai trò là “nhà kiến tạo chuẩn mực” thay vì chỉ là “người giải quyết tranh chấp”. Điều 35 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2024 quy định: “Thẩm phán được áp dụng quy định của Hiến pháp, điều ước quốc tế, tập quán pháp lý và các nguyên tắc chung của pháp luật trong trường hợp pháp luật chưa có quy định cụ thể” (Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2024, Điều 35). Đây là cơ sở pháp lý quan trọng để tòa án chủ động áp dụng các nguyên tắc như quyền thế hệ tương lai, nguyên tắc phòng ngừa và quyền của tự nhiên ngay cả khi chưa được luật hóa cụ thể.

Xanh hóa thể chế tư pháp không đơn thuần là cải cách cơ cấu tổ chức, mà là quá trình chuyển hóa mô hình vận hành của ngành tư pháp sang một hình thức có khả năng nhận diện, xử lý và phòng ngừa các rủi ro sinh thái. Với nền tảng pháp lý đã được mở rộng qua Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2024, và nhu cầu thực tiễn ngày càng cấp thiết, Việt Nam cần chủ động chuyển đổi từ “tư pháp phản ứng” sang “tư pháp kiến tạo sinh thái”, nơi tòa án đóng vai trò như người bảo vệ cân bằng tự nhiên, thay vì chỉ phân xử hậu quả.

4.3. Khuyến nghị về chuyển đổi nhận thức và đạo lý pháp lý

Trong ba tầng cấu trúc của hệ thống tư pháp, tầng nhận thức và đạo lý pháp lý giữ vai trò nền tảng. Nếu không có chuyển hóa về tư duy pháp lý, thế giới quan nghề nghiệp và hệ giá trị nền tảng của người thực thi pháp luật thì các cải cách về quy phạm hay thể chế cũng khó vận hành hiệu quả. Như đã phân tích ở trên, giới tư pháp Việt Nam hiện vẫn vận hành chủ yếu theo lối tư duy pháp quyền truyền thống, thiếu vắng nội dung công lý sinh thái trong đào tạo, thực tiễn xét xử và diễn ngôn chuyên môn. Vì vậy, việc “xanh hoá” tư duy pháp lý cần triển khai theo ba cấp độ: nhận thức nghề nghiệp, đạo lý pháp quyền, và chuẩn mực học thuật. Do vậy, trước mắt, cần cần xây dựng nhận thức cơ bản và nâng cao năng lực thực tiễn thông qua tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn chuyên đề cho cán bộ tư pháp. Có thể tổ chức các lớp tập huấn ngắn hạn cho thẩm phán, kiểm sát viên, luật sư, cán bộ thanh tra và công chứng về khái niệm công lý môi trường; Quyền của tự nhiên; Công bằng thế hệ; Các nguyên tắc sinh thái trong xét xử (phòng ngừa, thận trọng, người gây ô nhiễm phải trả giá). Mô hình này đã được thực hiện hiệu quả tại Philippines và Kenya, do UNEP hỗ trợ phối hợp cùng ngành tư pháp quốc gia; Xây dựng bộ tài liệu hướng dẫn nhận thức pháp lý sinh thái cho ngành tư pháp...

Bên cạnh đó, cần cải cách chương trình đào tạo luật và đạo tạo tư pháp: tích hợp nội dung công lý môi trường vào đào tạo luật. Các trường đào tạo luật cần bổ sung học phần bắt buộc hoặc tự chọn về Luật và công lý môi trường, Pháp quyền sinh thái, Đạo đức pháp lý và phát triển bền vững; Sử dụng tài liệu từ các sáng kiến học thuật quốc tế như UNEP, Liên minh Quốc tế bảo tồn thiên nhiên và tài nguyên thiên nhiên (IUCN).

Về lâu dài, cần hình thành hệ chuẩn đạo lý pháp quyền sinh thái và văn hoá tư pháp xanh: Phát triển hệ chuẩn đạo lý nghề nghiệp gắn với bảo vệ môi trường; Xây dựng văn hoá tư pháp sinh thái trong toàn hệ thống: truyền thông nội bộ trong ngành tư pháp nên thúc đẩy nhận thức về vai trò của ngành trong việc gìn giữ tương lai sinh thái.

5. Kết luận

Xanh hóa hệ thống tư pháp là một xu hướng phát triển tất yếu trong bối cảnh toàn cầu đang đối mặt với các khủng hoảng môi trường ngày càng phức tạp và có tính chất hệ thống. Từ một hệ thống được thiết kế chủ yếu để xử lý các tranh chấp dân sự - hình sự truyền thống, tư pháp hiện đại đang từng bước chuyển hóa để tiếp cận với các yêu cầu của công lý sinh thái, công lý liên thế hệ và quyền của tự nhiên.

Thông qua phân tích lý luận và đánh giá thực trạng, bài viết đã làm rõ rằng, xanh hóa tư pháp không chỉ là một mục tiêu môi trường, mà là một định hướng cải cách pháp quyền sâu sắc, đòi hỏi đồng thời ba trụ cột: quy phạm pháp lý có năng lực sinh thái, thể chế tư pháp có thẩm quyền và năng lực chuyên môn hóa, cùng với một nền văn hóa pháp lý có đạo lý sinh thái. Bài viết đề xuất khung phân tích ba tầng - quy phạm, thể chế và nhận thức - để đánh giá mức độ xanh hóa tư pháp, đồng thời làm nền tảng cho việc thiết kế chính sách cải cách.

Tài liệu tham khảo

- ADB & WB. (2021). *Judicial Capacity for Environmental Protection in Southeast Asia*. Manila. pp.10-15.
- Ali, M. A. & Kamraju, M. (2023). *Natural resources and society: Understanding the complex relationship between human and the environment*. Earth and Environmental Sciences Library. 1st Edition.
- Anguelovski, I., & Alier, J. M. (2014). The 'Environmentalism of the Poor' revisited: Territory and place in disconnected global struggles. *Ecological Economics*. 102. 167-176.
- Bùi Thị Hương. (2022). Quyền môi trường trong pháp luật Việt Nam. *Tạp chí Quản lý nhà nước*. <https://www.quanlynhanuoc.vn/2022/07/07/quyen-ve-moi-truong-trong-phap-luat-viet-nam/>
- Kenya national Council for Law Reporting. (2025). Highlights of the Normative, Legal and Practical Framework for Greening the Justice System. <https://new.kenyalaw.org/akn/ke/doc/journal/2025-01-31/highlights-of-the-normative-legal-and-practical-framework-for-greening-the-justice-system/eng@2025-01-31>
- Kenya National Council for Law Reporting. (2025). Highlights of the Normative, Legal and Practical Framework for Greening the Justice System. <https://new.kenyalaw.org/akn/ke/doc/journal/2025-01-31/highlights-of-the-normative-legal-and-practical-framework-for-greening-the-justice-system/eng@2025-01-31>
- Lehtinen, A. A. (2009). Environmental justice. *International Encyclopaedia of Human Geography*. 3, 535, 539.
- Lovelock, J. (2010). The vanishing face of Gaia: A final warning. *Basic Books*.
- Pain, N., Pepper, R., McCreath, M., & Zorzetto, J. (2016). Restorative justice for environmental crime: An antipodean experience. Conference paper. *International Union for Conservation of Nature Academy of Environmental Law Colloquium, Oslo Norway*.
- Reiche, D. E. (2020). *The global carbon cycle and climate change: scaling ecological energetics from organism to the biosphere*. Elsevier.
- Republic of Kenya. (2018). Green Economy Strategy 2016-2030. *Towards a low carbon, resource efficient, equitable and inclusive socio-economic transformation*. Ministry of Environment, Climate Change and Forestry. Kenya.
- Republic of Kenya. (2024). *Investigations Bureau: Environmental Crimes Unit*. DCI
- UNDP. (2022). Annual Report: Rule of Law and Human Rights Global Programme. New York: United Nations Development Programme. https://rolhr.undp.org/assets/files/UNDP_ROLHR_2022_AnnualReport.pdf
- UNDP (2024). UNDP Trends Report 2024. New York: United Nations Development Programme. https://www.undp.org/sites/g/files/zskgke326/files/2024-02/undp_trends_report_2024_0.pdf
- UNDP Vietnam. (2022). *Environmental Governance and Access to Justice*.
- UNEP. (2023). *Report of the conference of the parties to the convention on biological diversity on the second part of its fifteenth meeting*. Conference of the Parties to the Convention on Biological Diversity, Montreal, Canada.
- Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao. (2022). Báo cáo tổng kết công tác năm 2021. <https://vksndtc.gov.vn>